ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 122 /KH-UBND	*Nam Định, ngày 22 tháng 10 năm 2021*

KẾ HOẠCH
Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 *(sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09-NQ/TU)*, Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu và định hướng, xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, nhiệm vụ thường xuyên và phân công cụ thể cho các Sở, ban, ngành, các địa phương nhằm tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Yêu cầu

- Đổi mới tư duy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tính năng động, tiên phong của lãnh đạo các cấp, các ngành trong thực hiện chuyển đổi số, nhất là vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Đổi mới hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết công việc của các cơ quan chính quyền; hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và phương thức, lối sống, làm việc của người dân, hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về chuyển đổi số theo chỉ đạo của Chính phủ và Nghị quyết số 09-NQ/TU; xác định lộ trình rõ ràng, hợp lý để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện bảo đảm kịp thời, hiệu quả và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh, các địa phương, ngành, lĩnh vực.

- Thực hiện chuyển đổi số phải đảm bảo tính kế thừa, tính thống nhất với những kết quả đạt được trong quá trình xây dựng, phát triển chính quyền điện tử tỉnh. Tranh thủ nguồn lực hỗ trợ của Trung ương; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số ở mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Chuyển đổi số trên cơ sở nguyên tắc lấy người dân làm trung tâm, phát huy quyền làm chủ của người dân và phục vụ người dân được tốt hơn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội đẩy mạnh chuyển đổi số để xây dựng chính quyền số; phát triển kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng nhanh và bền vững dựa trên khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao; nâng cao chất lượng cuộc sống và phúc lợi của người dân. Phấn đấu đến năm 2030, Nam Định cơ bản hoàn thành chuyển đổi số gắn với các dịch vụ đô thị thông minh kết nối đồng bộ với Trung ương và hệ thống các đô thị thông minh trên toàn quốc.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2025

- Tỉnh Nam Định thuộc nhóm 20 địa phương dẫn đầu toàn quốc về chỉ số đánh giá chuyển đổi số.

- Về phát triển chính quyền số:

+ Duy trì 100% thủ tục hành chính của tỉnh đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 (trừ một số thủ tục hành chính có tính chất đặc thù, có quy định riêng) và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

+ 90% hồ sơ công việc của tỉnh; 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

+ 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của tỉnh được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

+ 100% cơ sở dữ liệu quốc gia tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử, bao gồm các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm được hoàn thành và kết nối chia sẻ với các nền tảng, hệ thống thông tin của tỉnh. Từng bước mở dữ liệu của các cơ quan nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, trọn vòng đời phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội.

+ 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Về phát triển kinh tế số: Phấn đấu tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 20% GRDP.

- Về phát triển xã hội số:

+ Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã.

+ Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

+ Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

2.2. Đến năm 2030

- Tỉnh Nam Định hoàn thành cơ bản chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh, kết nối đồng bộ với Trung ương và hệ thống các đô thị thông minh trên toàn quốc. Thuộc nhóm 15 địa phương dẫn đầu toàn quốc về chỉ số đánh giá chuyển đổi số.

- 100% hồ sơ công việc của tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số chiếm khoảng 30% GRDP.

- Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; dịch vụ mạng di động 5G.

- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, tính năng động, tiên phong của lãnh đạo các cấp, các ngành trong thực hiện chuyển đổi số.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, lĩnh vực phụ trách, địa bàn quản lý; xác định chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể, xác định rõ nội dung công việc, biện pháp thực hiện, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân; tăng cường đôn đốc, kiểm tra; gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tăng cường vai trò liên kết chuyển đổi số giữa các cơ quan nhà nước và tổ chức, doanh nghiệp; giữa hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin với hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa trong xã hội. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới, sáng tạo, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết, tính cấp thiết của chuyển đổi số. Thực hiện chuyển đổi số theo phương châm: "Nhận thức" là quyết định, "người dân, doanh nghiệp" là trung tâm, "thể chế và công nghệ số" là động lực, "nền tảng số" là đột phá, "an toàn, an ninh thông tin" là then chốt, "chính quyền" là tiên phong, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự tham gia của toàn dân là yếu tố đảm bảo sự thành công trong chuyển đổi số.

3. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

- Nguồn kinh phí thực hiện chuyển đổi số gồm: Ngân sách nhà nước, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và nguồn kinh phí hợp pháp khác. Ưu tiên nguồn lực từ ngân sách nhà nước các cấp để thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án chuyển đổi số do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện. Các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao ưu tiên nguồn lực để thực hiện các hoạt động chuyển đổi số.

- Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại. Khuyến khích, hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào tỉnh, trong đó ưu tiên các doanh nghiệp có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác phục vụ chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về chuyển đổi số; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu để trở thành các chuyên gia nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số. Quan tâm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp công nghệ tham gia trực tiếp vào quá trình giáo dục và đào tạo nhân lực, xây dựng một số trung tâm giáo dục, đào tạo về công nghệ.

4. Phát triển hạ tầng, nền tảng chuyển đổi số

- Kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng cho tất cả các cơ quan Đảng, Chính quyền và các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời kết nối liên thông với khối chính quyền; xây dựng quy hoạch và triển khai xây dựng mạng lưới hệ thống camera giám sát trên địa bàn tỉnh; mạng lưới cảm biến và hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT), tích hợp vào trung tâm thông tin chỉ đạo, điều hành của tỉnh; hoàn thiện, nâng cấp cơ sở hạ tầng bưu chính, viễn thông, internet; triển khai hệ thống cung cấp dịch vụ 5G, triển khai thêm và mở rộng Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh.

- Tập trung hoàn thiện Kho dữ liệu số dùng chung toàn tỉnh; các cơ quan, đơn vị tiếp tục hoàn thiện, cập nhật cơ sở dữ liệu (CSDL) nền (về cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp, dân cư, đất đai,...) và các CSDL ngành, CSDL quản lý nhà nước; phát triển, số hóa các dữ liệu quan trọng (kết quả thủ tục hành chính, hộ tịch, …); kết nối, tích hợp CSDL quốc gia do bộ, ngành triển khai với Kho dữ liệu tỉnh và chia sẻ cho các cơ quan, đơn vị dùng chung để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công của tỉnh. Xây dựng và cập nhật dữ liệu Cổng dữ liệu mở của tỉnh theo chuẩn dữ liệu mở, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dữ liệu quốc gia để cung cấp thông tin, dữ liệu kịp thời, đầy đủ, công khai cho người dân, doanh nghiệp.

- Tập trung xây dựng nền tảng hệ sinh thái số phục vụ tiến trình chuyển đổi số của tỉnh trên cơ sở các nền tảng xây dựng chính quyền điện tử tỉnh, nền tảng thí điểm dịch vụ đô thị thông minh; phát triển các nền tảng mới, đặc thù cho tỉnh phục vụ cung cấp dịch vụ công và quản lý hành chính, như nền tảng phân tích dữ liệu thông minh, nền tảng định danh điện tử và xác thực cho người dân, doanh nghiệp; hoàn thiện nền tảng thanh toán trực tuyến, kết nối với các nền tảng điện thoại di động để áp dụng thu phí, lệ phí dịch vụ hành chính công.

- Thúc đẩy phát triển và áp dụng các nền tảng số phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các nền tảng thương mại điện tử; Triển khai các nền tảng số trên các lĩnh vực ưu tiên phát triển, như nền tảng phục vụ dạy và học trực tuyến, đăng ký, tư vấn, khám, chữa bệnh và hội chẩn từ xa, quản lý giao thông, cung cấp dịch vụ du lịch…; từng bước thực hiện việc tái cấu trúc, dịch chuyển hạ tầng công nghệ thông tin sang ứng dụng công nghệ điện toán đám mây; triển khai các nền tảng do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố.

- Tăng cường hợp tác, nghiên cứu, phát triển và đổi mới, sáng tạo trong môi trường số. Chủ động, tích cực tham gia, hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế về chuyển đổi số; ưu tiên nghiên cứu, đặt hàng nhiệm vụ khoa học để tạo ra sản phẩm số, đặc biệt là các sản phẩm phục vụ du lịch, giáo dục, y tế, môi trường, giao thông… Cung cấp công khai dữ liệu số, có tính khả dụng cao để các doanh nghiệp tạo ra sản phẩm mới, trong đó đặc biệt chú ý các doanh nghiệp khởi nghiệp, sáng tạo.

5. Phát triển chính quyền số

5.1. Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong công tác chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc và cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị; thực hiện triệt để gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử (ký số) giữa các cơ quan và đến cấp xã; thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh. Khuyến khích triển khai quán triệt nghị quyết, đào tạo, bồi dưỡng, thi tuyển, thi nâng ngạch công chức, viên chức bằng hình thức trực tuyến.

5.2. Hình thành Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành thông minh của tỉnh phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trên dữ liệu số của UBND tỉnh và chính quyền các cấp. Triển khai hiệu quả một số dịch vụ chính quyền số gắn kết chặt chẽ với các dịch vụ đô thị thông minh, trong đó ưu tiên triển khai một số dịch vụ giải quyết các vấn đề của đô thị, của người dân, doanh nghiệp, như: an ninh trật tự, giao thông, môi trường, du lịch, y tế, giáo dục,…

5.3. Gắn kết chặt chẽ việc chuyển đổi số với cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thực hiện việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến dựa trên nhu cầu của người dân, mang lại sự thuận tiện nhất cho người dân; áp dụng công nghệ số để đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính, hướng đến mục tiêu người dân chỉ cung cấp thông tin một lần có thể được thực hiện nhiều thủ tục hành chính.

6. Phát triển kinh tế số

- Hỗ trợ thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số, các doanh nghiệp có hàm lượng ứng dụng công nghệ số cao để có vai trò "dẫn dắt" trong chuyển đổi số nhằm tạo ra thị trường và thu hút các doanh nghiệp công nghệ số về tỉnh hoạt động. Phát triển, triển khai hệ thống phổ cập, hỗ trợ, trao đổi, hướng dẫn về các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận và thực hiện chuyển đổi số. Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số hỗ trợ, thúc đẩy triển khai các ứng dụng số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Ưu tiên phát triển kinh tế số các ngành, lĩnh vực trọng tâm tạo tiền đề thúc đẩy phát triển kinh tế số của tỉnh, chuyển dịch từng bước sang các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số, phát triển nội dung số, công nghiệp sáng tạo, kinh tế nền tảng, kinh tế chia sẻ, như:

+ Lĩnh vực du lịch: Triển khai công nghệ số, dữ liệu số phục vụ hoạt động du lịch, từng bước hình thành sản phẩm du lịch mới dựa trên công nghệ số, dữ liệu số như: Gắn mã QR-Code cho các điểm du lịch tiêu biểu của tỉnh gắn với nền tảng du lịch thông minh tạo điều kiện thuận lợi cho du khách tiếp cận nhanh, sinh động, chính xác, đầy đủ thông tin về điểm đến; số hóa thông tin các bảo tàng, di tích, điểm tham quan, hình thành sản phẩm du lịch số để mang đến trải nghiệm tốt nhất cho du khách tại các điểm du lịch.

+ Lĩnh vực tài chính - ngân hàng - thương mại: Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững; khuyến khích chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng và chất lượng. Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững; hình thành hệ sinh thái gắn kết doanh nghiệp thương mại điện tử với các nhà sản xuất, nhà phân phối để quản lý chuỗi cung ứng.

+ Lĩnh vực giao thông vận tải và logistics: Triển khai hệ thống giám sát và điều khiển giao thông bằng camera. Số hóa thông tin hạ tầng giao thông trên bản đồ số phục vụ xây dựng, duy tu, bảo dưỡng công trình giao thông, quản lý quy hoạch giao thông, chia sẻ với các cơ quan liên quan.

+ Lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp: Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi, thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ trên các nền tảng số, thương mại điện tử, ứng dụng sản xuất thông minh. Ứng dụng công nghệ, dữ liệu số trong sản xuất nông nghiệp thông minh, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao; tăng cường hoạt động kinh doanh qua mạng, phát triển thương mại điện tử đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực và sản phẩm OCOP của tỉnh.

7. Phát triển xã hội số

- Xây dựng các chương trình đào tạo kỹ năng số cho người dân theo hình thức trực tuyến, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, đảm bảo dễ hiểu, dễ tiếp cận. Xây dựng và ban hành Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số cho người dân, doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

- Tạo môi trường thuận lợi cho phát triển hệ sinh thái ứng dụng công nghệ số nhằm cung cấp các sản phẩm, dịch vụ số thiết yếu, thông minh, dễ sử dụng cho người dân; tăng cường hướng dẫn người dân đăng ký tài khoản công dân và hình thành dữ liệu điện tử trên Hệ thống thông tin dùng chung.

- Tăng cường triển khai trên không gian mạng về thông tin các sản phẩm văn hóa, lịch sử đặc trưng, xây dựng hình ảnh, văn hóa con người Nam Định thân thiện, văn minh, cởi mở, đồng thời tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, góp phần xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

- Thường xuyên đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số; ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho doanh nghiệp và người dân; phát triển hệ thống hỗ trợ trực tuyến để hướng dẫn, giải đáp thắc mắc cho người dân bị ảnh hưởng, tác động tiêu cực bởi công nghệ số.

8. Chuyển đổi số trong một số ngành, lĩnh vực

Ưu tiên chuyển đổi số ở một số ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, mang lại giá trị lớn, có hiệu quả ngay cho xã hội, như:

8.1. Xây dựng chính quyền điện tử

- Tập trung thực hiện các giải pháp duy trì Chỉ số về chính quyền điện tử, Chỉ số mức độ sẵn sàng cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin (ICT Index), Chỉ số đánh giá chuyển đổi số của tỉnh trong nhóm 15 tỉnh, thành phố dẫn đầu của cả nước.

- Tiếp tục tập trung đẩy mạnh triển khai thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ theo các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển chính quyền điện tử ; trong đó tập trung hoàn thành sớm, đạt chất lượng cao các chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ và Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng chính phủ điện tử.

- Nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng, CSDL, hệ thống thông tin, phần mềm dung chung của tỉnh trong xây dựng chính quyền điện tử đảm bảo phát huy tính kế thừa phục vụ tiến trình tái cấu trúc sang hạ tầng, ứng dụng chuyển đổi số.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng CSDL dung chung, CSDL chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp. Thực hiện việc kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu trong tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Hoàn thiện Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và Hệ thống Một cửa điện tử của tỉnh kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến Bộ ngành Trung ương để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4. Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ. Thực hiện việc thanh toán phí, lệ phí trong giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến không dùng tiền mặt đối với 100% thủ tục hành chính có thu phí, lệ phí.

- Nâng cấp, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối, chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Hệ thống thông tin báo cáo của các bộ, Trung ương bảo đảm tích hợp, chia sẻ dữ liệu số phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và chính quyền các cấp.

8.2. Xây dựng đô thị thông minh

- Triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng đô thị thông minh; phấn đấu đến năm 2030, thành phố Nam Định là thành phố thông minh, hiện đại, kết nối đồng bộ với Trung ương và hệ thống các đô thị thông minh trên toàn quốc.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện việc nâng cấp, hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nền tảng, các dịch vụ thí điểm đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh, từng bước hình thành nền tảng hệ sinh thái số phục vụ tiến trình chuyển đổi số của tỉnh.

- Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm thông tin chỉ đạo điều hành thông minh của UBND tỉnh. Xây dựng Hệ thống phân tích dữ liệu và mô phỏng về các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các hoạt động của địa phương phục vụ dự báo, chỉ đạo, điều hành, ra quyết định của UBND tỉnh và chính quyền các cấp.

- Từng bước triển khai xây dựng, phát triển một số dịch vụ trên nền tảng đô thị thông minh như hệ thống giám sát an ninh thông minh, giao thông thông minh, giáo dục thông minh, y tế thông minh, du lịch thông minh,…

- Xây dựng, hoàn thiện ứng dụng di động của công chức (IOC Nam Định), tổ chức triển khai đến 100% cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, huyện, xã phục vụ công tác chỉ đạo điều hành, giải quyết công việc thống nhất, đồng bộ trên môi trường internet và thiết bị di động.

- Xây dựng, hoàn thiện ứng dụng di động của người dân, doanh nghiệp (Smart Nam Định) hình thành nền tảng di động cung cấp đa dịch vụ, tiện ích, phục vụ tối đa nhu cầu người dân, doanh nghiệp, du khách và là kênh tương tác hai chiều với cơ quan chính quyền.

8.3. Lĩnh vực y tế

- Xây dựng và triển khai đề án phát triển y tế thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để giảm tải cho các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo đối với dịch bệnh truyền nhiễm.

- Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhất là việc nghiên cứu sử dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ chuẩn đoán hình ảnh đối với bệnh viện tuyến tỉnh;

- Triển khai bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thanh toán viện phí trực tuyến không dùng tiền mặt; hình thành các bệnh viện thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu kết nối liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

8.4. Lĩnh vực giáo dục

- Xây dựng và triển khai đề án phát triển giáo dục thông minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. Triển khai việc thanh toán học phí, lệ phí trực tuyến không dùng tiền mặt cho tất cả các trường học.

- Phấn đấu 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

8.5. Lĩnh vực tài nguyên và môi trường

- Xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, nhất là CSDL đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản làm cơ sở phục vụ chuyển đổi số một số lĩnh vực có liên quan như: Nông nghiệp, giao thông, quy hoạch,…;

- Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đảm bảo đồng bộ, liên thông; xây dựng cơ sở dữ liệu về nước thải, quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, …

- Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

9. Bảo đảm công tác an toàn, an ninh thông tin mạng

- Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu. Nâng cao năng lực giám sát an toàn thông tin mạng trên địa bàn tỉnh để tăng cường khả năng phát hiện sớm, cảnh báo kịp thời, chính xác về các sự kiện, sự cố, dấu hiệu, hành vi, mã độc xâm hại, nguy cơ, điểm yếu, lỗ hổng có khả năng gây mất an toàn thông tin mạng đối với các hệ thống thống thông tin, phần mềm, CSDL phục vụ kịp thời nhiệm vụ chuyển đổi số của tỉnh.

- Rà soát, cập nhật các văn bản của tỉnh về an toàn thông tin, như : Quy chế đảm bảo an toàn thông tin, phương án, kế hoạch ứng cứu sự cố mất an toàn phù hợp với yêu cầu của tiến trình chuyển đổi số; duy trì thực hiện việc đảm bảo an toàn thông tin mô hình 4 lớp; kiện toàn và duy trì hoạt động của đội ứng cứu và xử lý sự cố mất an toàn thông tin của tỉnh.

- Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng (SOC) của tỉnh kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; triển khai hiệu quả Hệ thống giám sát thông tin mạng xã hội; Triển khai Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường mạng nhằm tạo lập niềm tin, hình thành văn hóa số.

- Tăng cường phối hợp với Cục An toàn thông tin, Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia. Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn kỹ năng đảm bảo an toàn thông tin cho các cơ quan, đơn vị; tổ chức diễn tập phương án ứng cứu xự cố mất an toàn thông tin trong thực hiện chuyển đổi số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố Nam Định

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm được phân công tại danh mục các nhiệm vụ trọng tâm *(có phụ lục các nhiệm vụ cụ thể kèm theo)*.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách và nội dung được giao tại Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện.

- Định kỳ hàng năm (trước ngày 10/12) báo cáo kết quả thực hiện các nội dung theo Kế hoạch này gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan Thường trực tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch này. Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện kế hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương, định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tham mưu các giải pháp tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, đôn đốc triển khai thực hiện Kế hoạch để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả. Chủ trì triển khai các nội dung, nền tảng hạ tầng và ứng dụng dùng chung, tạo lập môi trường chuyển đổi số cho các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công đồng doanh nghiệp và người dân về các nội dung chuyển đổi số.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xem xét, quyết định bố trí nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm theo khả năng cân đối để triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Tham mưu UBND tỉnh trong công tác thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

- Chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê, Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu về kinh tế số để phục vụ công tác sơ kết, tổng kết.

4. Sở Tài chính

Căn cứ tình hình thực tế, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ thuộc kế hoạch này.

5. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp lồng ghép đào tạo kiến thức về chuyển đổi số vào các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Xây dựng, lồng ghép tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số vào Bộ chỉ số cải cách hành chính (Par Index).

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội nghiên cứu đưa chuyên đề nâng cao nhận thức về chuyển đổi số vào giảng dạy ở các trường THPT, các trung tâm, trường dạy nghề.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng và triển khai Đề án phát triển giáo dục thông minh tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

7. Sở Khoa học và Công nghệ

- Xây dựng chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để nghiên cứu, ứng dụng và triển khai các công nghệ mới về chuyển đổi số. Ưu tiên phân bổ các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho chuyển đổi số, chú trọng các nhiệm vụ có kinh phí đối ứng của doanh nghiệp.

- Xây dựng và triển khai chương trình thực hiện Đề án "Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo" trong đó thực hiện hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo và khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Sở Công Thương, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh

Hỗ trợ, cung cấp thông tin về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp; nghiên cứu, đề xuất UBND tỉnh ban hành chính sách thúc đẩy chuyển đổi số cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh.

9. Đề nghị Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa

Tiếp tục phát huy vai trò cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý nhà nước. Tiếp nhận những vướng mắc, khó khăn của cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện chuyển đổi số, kịp thời phản ánh, đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

10. Báo Nam Định, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh

Xây dựng và duy trì chuyên mục "Chuyển đổi số", phát triển các nền tảng ứng dụng phù hợp nhằm tăng khả năng tương tác, chia sẻ lan tỏa thông tin. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về các nội dung và kết quả triển khai chuyển đổi số của tỉnh.

11. Các doanh nghiệp viễn thông, internet, công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh

Tham gia triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền tảng trong chuyển đổi số; chủ động thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển hạ tầng số, nền tảng số, làm chủ công nghệ, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận:
- Bộ Thông tin và Truyền thông; (để báo cáo)
- Thường trực Tỉnh uỷ; (để báo cáo)
- Thường trực HĐND tỉnh; (để báo cáo)
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- Báo NĐ, Đài PTTH tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, VP UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Các VP, TTPVHCC và XTĐT;
- Lưu: VP1, VP2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

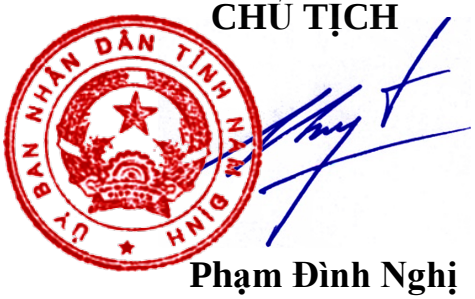

Phạm Đình Nghị